UBND TỈNH QUẢNG NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG NAM

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Nam, ngày 15 tháng 9 năm 2021

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY - ĐỢT 3

TT	Hình thức xét tuyển	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Số CMND/ CCCD	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm M1	Điểm M2	Điểm M3	Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Đủ điều kiện	Ghi chú
1	Học bạ	HỒ THỊ DẤM	Nữ	14/03/2003	1	01	049303000426	Bảo vệ thực vật	A02	6.2	7.4	6.5	2.75	22.85	Trúng tuyển	
2	Học bạ	HỒ VĂN HẢI	Nam	14/10/2003	1	01	049203000457	Bảo vệ thực vật	A02	5.6	7.3	6.7	2.75	22.35	Trúng tuyển	
Số lượng trúng tuyển								**2**								
1	Học bạ	NGUYỄN HỮU TOÀN	Nam	20/02/2001	2NT		206422019	Công nghệ thông tin	A10	7.7	6.9	8.2	0.5	23.3	Trúng tuyển	
2	Học bạ	PHẠM HÙNG	Nam	23/01/2003	2		206394684	Công nghệ thông tin	A00	5.1	5.8	5.2	0.25	16.35	Trúng tuyển	
3	Học bạ	PHẠM VĂN ĐẠT	Nam	15/09/2003	2		206328766	Công nghệ thông tin	A00	8.2	7.2	6.4	0.25	22.05	Trúng tuyển	
4	THPT 2020	ARẮT QUYỀN	Nam	18/03/2002	1		049202005030	Công nghệ thông tin	D01	7.5	6.2	4.4	0.75	18.85	Trúng tuyển	
5	THPT 2021	ZA HÁC QUYỀN	Nam	01/09/2002	1	01	206455871	Công nghệ thông tin	D01	3.75	4.8	4	2.75	15.3	Trúng tuyển	
Số lượng trúng tuyển								**5**								
1	THPT 2021	HỒ THỊ NGUYỆT	Nữ	19/01/2003	1	01	206477035	Giáo dục Mầm non	M03	7	8.5	9.25	2.75	27.5	Trúng tuyển	
2	THPT 2021	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	28/06/2003	2		206419192	Giáo dục Mầm non	M03	5	7.5	9	0.25	21.75	Trúng tuyển	
3	THPT 2021	NGUYỄN THỊ HIỆP	Nữ	08/10/2003	2		206328685	Giáo dục Mầm non	M03	7	8.5	8.35	0.25	24.1	Trúng tuyển	
4	THPT 2021	TRẦN THỊ KIM NGỌ	Nữ	03/01/2003	2		206454972	Giáo dục Mầm non	M03	7.5	8.25	8.4	0.25	24.4	Trúng tuyển	
Số lượng trúng tuyển								**5**								
1	THPT 2021	ĐINH THỊ PHƯƠNG	Nữ	15/02/2003	1	01	049303000466	Giáo dục Tiểu học	C14	6.75	5.4	9	2.75	23.9	Trúng tuyển	
2	THPT 2021	HỒ THỊ DU MỊ	Nữ	20/06/2003	1	01	049303006892	Giáo dục Tiểu học	C14	5.75	5.4	8.25	2.75	22.15	Trúng tuyển	
3	THPT 2021	NGUYỄN HOÀNG THÀ	Nam	15/10/2003	1	01	049203000453	Giáo dục Tiểu học	C00	7	7.75	7.5	2.75	25	Trúng tuyển	
4	THPT 2021	NGUYỄN THỊ MUỐN	Nữ	05/11/2003	1	01	049303000417	Giáo dục Tiểu học	C14	5.75	6.6	8.5	2.75	23.6	Trúng tuyển	
5	THPT 2021	TRẦN THỊ NHỊ	Nữ	20/10/2003	1	01	049303000448	Giáo dục Tiểu học	C14	6	5.8	6.75	2.75	21.3	Trúng tuyển	
6	THPT 2021	HỒ VĂN THẬT	Nam	19/07/2003	1	01	049203000435	Giáo dục Tiểu học	C00	6.25	6	7.25	2.75	22.25	Trúng tuyển	
7	THPT 2021	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Nữ	02/02/2003	2		206417507	Giáo dục Tiểu học	C14	7	7.6	8.75	0.25	23.6	Trúng tuyển	
8	THPT 2020	ZƠ RÂM THỊ APING	Nữ	18/01/2002	1	01	206174304	Giáo dục Tiểu học	C14	7.08	6.2	8	2.75	24.03	Trúng tuyển	
9	Học bạ	LÊ BÍCH HOÀI	Nữ	10/11/2003	2NT			Giáo dục Tiểu học	C00	8	7.7	8.4	0.5	24.6	Trúng tuyển	
10	Học bạ	LÊ THỊ THÚY HOA	Nữ	04/10/2021	2		206279770	Giáo dục Tiểu học	D01	7.6	7.7	8	0.25	23.55	Trúng tuyển	
11	Học bạ	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	12/11/2003	2		206417751	Giáo dục Tiểu học	C00	7.6	8.9	8	0.25	24.75	Trúng tuyển	
12	Học bạ	NGUYỄN THỊ LY LY	Nữ	20/02/2003	1		206430154	Giáo dục Tiểu học	A00	8.8	8.4	7.9	0.75	25.85	Trúng tuyển	
13	Học bạ	TRẦN NGUYỄN THỊ KIỀU T	Nữ	22/11/2000	2NT		206239375	Giáo dục Tiểu học	A00	8.1	8.2	7.4	0.5	24.2	Trúng tuyển	

TT	Hình thức xét tuyển	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Số CMND/ CCCD	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm M1	Điểm M2	Điểm M3	Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Đủ điều kiện	Ghi chú
Số lượng trúng tuyển								**13**								
1	THPT 2021	BLÚP THỦY	Nữ	20/03/2003	1	01	206054010	Lịch sử	C00	3.75	4.25	5.25	2.75	16	Trúng tuyển	
Số lượng trúng tuyển								**1**								
1	Học bạ	HỒ THỊ MỸ LỆ	Nữ	19/07/2003	1	01	049303007712	Ngôn ngữ Anh	D66	6.5	6.2	5.3	2.75	20.75	Trúng tuyển	
2	Học bạ	HỒ THỊ MỸ LÝ	Nữ	19/07/2003	1	01	049303010336	Ngôn ngữ Anh	D66	6.3	8.2	6	2.75	23.25	Trúng tuyển	
3	Học bạ	LÊ THỊ YẾN VY	Nữ	21/11/2003	2		049303002116	Ngôn ngữ Anh	A01	6.8	6.4	6.2	0.25	19.65	Trúng tuyển	
4	Học bạ	LỮ KHÁNH NHI	Nữ	29/08/2003	1		049303002009	Ngôn ngữ Anh	D01	5.6	5.5	5.6	0.75	17.45	Trúng tuyển	
5	THPT 2021	ARẮT THỊ HẠNH	Nữ	21/06/2003	1	01	49303000901	Ngôn ngữ Anh	D66	6.25	3.4	7.25	2.75	19.65	Trúng tuyển	
6	THPT 2021	LÊ THỊ THU MỸ	Nữ	28/07/2003	2NT		212873257	Ngôn ngữ Anh	D66	6.5	4.8	8	0.5	19.8	Trúng tuyển	
7	THPT 2021	TRẦN THỊ THU THẢO	Nữ	07/04/2003	1		049303003153	Ngôn ngữ Anh	D66	7.5	5.8	8.25	0.75	22.3	Trúng tuyển	
Số lượng trúng tuyển								**7**								
1	THPT 2021	HÀ THỊ MINH	Nữ	07/07/2002	1	01	206343803	Sư phạm Ngữ văn	C20	4	7	6.5	2.75	20.25	Trúng tuyển	
Số lượng trúng tuyển								**1**								
1	THPT 2021	HÀ BẢO TRÂN	Nữ	30/04/2003	2		0931720344	Sư phạm Toán học	D01	7.25	7.8	6.8	0.25	22.1	Trúng tuyển	
Số lượng trúng tuyển								**1**								
1	Học bạ	BLING MINH HẢI	Nam	11/11/2000	1	01	206171418	Việt Nam học	C00	5.3	6.3	6.9	0.75	19.25	Trúng tuyển	
2	Học bạ	HỒ THỊ KIM NGHỊ	Nữ	12/08/2003	1	01	206346205	Việt Nam học	C00	7.9	6.2	7.2	2.75	24.05	Trúng tuyển	
3	Học bạ	TƠ NGÔL KỲ LÃM	Nam	16/08/2003	1	01	206455301	Việt Nam học	C00	6.8	5.2	6.5	2.75	21.25	Trúng tuyển	
4	THPT 2021	ALĂNG THỊ HẠNH	Nữ	25/05/2003	1	01	049303014043	Việt Nam học	C00	6.25	4.5	6.25	2.75	19.75	Trúng tuyển	
5	THPT 2021	ALĂNG THỊ XINH	Nữ	06/06/2003	1	01	206174931	Việt Nam học	C00	5.75	4	5.5	2.75	18	Trúng tuyển	
6	THPT 2021	BRÍU CHIẾN	Nữ	03/07/2001	1	01	206483238	Việt Nam học	C00	6	6	6.5	2.75	21.25	Trúng tuyển	
7	THPT 2021	HỒ THỊ THẢO	Nữ	12/05/2002	1	01	206477430	Việt Nam học	C20	5.75	3.75	3.25	2.75	15.5	Trúng tuyển	
8	THPT 2021	HÔIH THỊ TRỊNH TRINH	Nữ	26/07/2003	1	01	206155493	Việt Nam học	C00	5.75	4	7	2.75	19.5	Trúng tuyển	
9	THPT 2021	KRING PHONG	Nam	12/06/2002	1	01	049202002316	Việt Nam học	C00	5	4	5.5	0.75	15.25	Trúng tuyển	
10	THPT 2021	PƠ LOONG ATI	Nữ	15/11/2003	1	01	206456050	Việt Nam học	C00	6	5.5	4.25	2.75	18.5	Trúng tuyển	
11	THPT 2021	AĐÍH UYÊN	Nữ	19/11/2003	1	01	206455325	Việt Nam học	C00	6.5	5	6.5	2.75	20.75	Trúng tuyển	
Số lượng trúng tuyển								**11**								